

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2026.
“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa.

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Dương Hoài Thảo.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 60/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2026, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1980. Số CCCD: 030180013505.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố Đ. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Danh T1, sinh năm 1978. Số CCCD: 030078017800.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố Đ. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Danh T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân, đến năm 1999 đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gia đình, do vợ chồng thiếu sự thông cảm, chia sẻ, không thống nhất được các công việc gia đình nên đã sống ly thân trong khoảng 05 năm trở lại đây. Nay bà thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Bà và ông T1 có 02 con chung tên là Nguyễn Danh T2, sinh ngày 03/3/2000 và Nguyễn Danh D, sinh ngày 10/6/2003. Bà không yêu cầu giải quyết người trực

tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng do các con chung đã thành niên, không bị khiếm khuyết thể chất và tinh thần.

Bà và ông T1 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Danh T1 quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Qua nội dung yêu cầu ly hôn của bà T thì ông cũng thống nhất ly hôn nhưng không tham gia làm việc; xác nhận có 02 con chung là đúng. Ông không yêu cầu giải quyết nuôi con, tài sản chung và nợ chung. Ông xin giải quyết vắng mặt, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:
Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử bị đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy các đương sự thống nhất được với nhau các vấn đề tranh chấp trong vụ án nhưng từ chối hòa giải và không tham gia phiên tòa, nên Tòa án không có cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự mà cần xét xử theo quy định, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 ngày 08/3/1999. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000 và tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Các bên thừa nhận trong thời gian sống chung có xảy ra mâu thuẫn gia đình. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ khoảng năm 2020 nên đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân các bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm và đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án các bên không tham gia hòa giải và cương quyết chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về con chung: Các bên thừa nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Danh T2, sinh ngày 31/3/2000 và Nguyễn Danh D, sinh ngày 10/6/2003. Các bên đều thống nhất không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng do các con chung đã thành niên, không bị khiếm khuyết thể chất và tinh thần. Xét thấy việc trình bày của các bên là phù hợp quy định pháp luật nên không xem xét giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Danh T1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01 ngày 08/3/1999 Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương)

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002374 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã N;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS – Vp (SL: 10).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình

